

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/DS-PT

Ngày 09-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường

Bà Lê Thị Thanh Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng H là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Huyện TP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 136/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Khánh Tr, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 62, đường 17/4, thị trấn LH, Huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1978 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1983 (vắng mặt, nhưng ủy quyền cho ông Trần Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2018)

Địa chỉ: Thôn V, xã VT, Huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Hộ khẩu thường trú: số 292 đường CBQ, thị trấn PRC, Huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Lê Kim Ng, sinh năm 1985 (vắng mặt, nhưng ủy quyền cho ông Võ Khánh Tr theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2018)

Địa chỉ: Số 62, đường 17/4, thị trấn LH, Huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Khánh Tr trình bày:

Ông và vợ cH2 Trần Văn H là chỗ quen biết nhau nên khi H đáo hạn nợ vay Ngân hàng, vợ cH2 H vay của ông 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) với lãi suất 5%/tháng. Sau khi vay Ngân hàng thì vợ cH2 H chỉ trả cho Tr hai lần với tổng số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) với lý do tình hình làm ăn khó khăn, công ty không có tiền trang trải cuối năm, vợ cH2 ông H hứa đầu năm 2017 vay Ngân hàng sẽ trả nợ cho Tr.

Ngày 01/01/2017, Tr cùng vợ cH2 H lập lại hợp đồng vay tiền mới với số tiền vay 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng), với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng (ngày trả nợ cuối cùng là 30/6/2017). Cho đến ngày hôm nay, vợ cH2 H không thanh toán gốc lẫn lãi cho Tr dù H đã vay được tiền từ Ngân hàng nhiều lần. Vì lý do trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ cH2 ông H phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số nợ 350.00.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2017 cho đến nay theo mức lãi suất 1,66% tháng.

Bị đơn Ông Trần Văn H trình bày:

Ngày 17/9/2015, ông vay của vợ cH2 ông Tr số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) với lãi suất 5%/tháng (Hợp đồng vay tiền số 23/HĐVT) để đáo hạn Ngân hàng Agribank TP - Bình Thuận.

Trong thời gian ông đáo hạn thì bà Trịnh Thị H2 là trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh của Chi nhánh Ngân hàng Agribank TP - Bình Thuận có mượn ông số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) với thời gian 02 ngày. Quá thời gian trên do bà H2 không trả nợ cho ông nên ông không có tiền hoàn lại cho vợ chồng ông Tr như thỏa thuận.

Vì công việc làm ăn kinh doanh của ông gặp khó khăn nên không có tiền trả gốc cho ông Tr như thỏa thuận, nhưng vợ chồng ông trả lãi đều đặn cho vợ cH2 ông Tr.

Vào ngày 17/01/2016, bà H2 trả cho ông được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), ông trả cho ông Tr và hai bên lập hợp đồng mới với số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), lãi suất 4%/tháng.

Đến ngày 01/01/2017, ông trả tiếp cho ông Tr 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và làm lại Hợp đồng với số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 2%/tháng. Từ khi lập hợp đồng cho đến nay ông không trả lãi cũng như gốc cho ông Tr. Nay ông Tr yêu cầu vợ chồng ông trả số nợ 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cùng lãi suất tính từ tháng 01/2017 cho đến nay ông chỉ đồng ý trả cho ông Tr 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) gốc và xin ông Tr tiền lãi, ông Tr không đồng ý thì tự ông Tr xử lý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Lê Kim Ng trình bày:

Bà và ông Võ Khánh Tr xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông H vay tiền của vợ chồng bà không trả theo thỏa thuận nên bà yêu cầu vợ chồng ông H phải có nghĩa vụ trả số nợ 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi theo thỏa thuận là 2%/tháng tính từ 01/01/2017 đến ngày vợ chồng ông H trả gốc. Việc ông H xin tiền lãi bà không đồng ý.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân Hện TP đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 03/2018/DS-ST, quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91, khoản 3 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Khánh Tr về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 trả cho vợ chồng ông Võ Khánh Tr và bà Nguyễn Lê Kim Ng số tiền 440.055.000đ (Bốn trăm bốn mươi triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ do chậm trả tiền, các quy định của Luật thi hành án dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự biết.

Ngày 26/3/2018, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại khoản tiền lãi mà Tòa sơ thẩm buộc ông H, bà H1 phải trả cho ông Tr, bà Ng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại khoản tiền lãi mà Tòa sơ thẩm buộc ông H, bà H1 phải trả cho ông Tr, bà Ng.

Ông Võ Khánh Tr và bà Nguyễn Lê Kim Ng không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp

hành pháp luật; Kháng cáo của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 là không có căn cứ nên không chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Võ Khánh Tr khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 trả số tiền nợ đã vay là 350.000.000 đồng cùng với tiền lãi. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện TP thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: nguyên đơn ông Võ Khánh Tr khai rằng vào ngày 17/6/2015, ông Tr có cho vợ chồng ông H và bà H1 vay số tiền 500.000.000 đồng và có thỏa thuận trả tiền lãi, nhưng vợ chồng ông H và bà H1 mới chỉ trả được 150.000.000 đồng tiền gốc, vẫn còn nợ 350.000.000 đồng nên đến ngày 01/01/2017, ông Tr cùng vợ chồng ông H và bà H1 lập lại hợp đồng vay tiền mới với số tiền vay 350.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay 06 tháng nhưng sau đó vợ chồng ông H và bà H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ và tiền lãi nên ông mới khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 trả số tiền nợ đã vay là 350.000.000 đồng cùng với tiền lãi. Trong khi đó, vợ chồng ông H và bà H1 thừa nhận vợ chồng ông bà còn nợ ông Tr số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc nhưng ông bà đã đưa tiền lãi cho vợ chồng ông Võ Khánh Tr và bà Nguyễn Lê Kim Ng tổng cộng là 359.000.000 đồng, vợ chồng ông H và bà H1 yêu cầu trừ số tiền này vào tiền lãi mà vợ chồng ông bà phải trả cho vợ chồng ông Tr và bà Ng, tuy nhiên vợ chồng ông H và bà H1 không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ nào thể hiện vợ chồng ông bà đã trả số tiền lãi nói trên cho vợ chồng ông Tr. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông H và bà H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Tr và bà Ng số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng theo quy định của Bộ luật dân sự tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/3/2018 là 15 tháng 15 ngày: $350.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 15,5 \text{ tháng} = 90.055.000 \text{ đồng}$, tổng số tiền mà vợ chồng ông H và bà H1 phải trả cho vợ chồng ông Tr và bà Ng $350.000.000 \text{ đồng} + 90.055.000 \text{ đồng} = 440.055.000 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

[3] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 không có cơ sở để chấp nhận mà nghĩ nên bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, và không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét đến.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện TP;

Căn cứ vào:

Khoản 3, Điều 26; điểm b, khoản 1, Điều 38; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Khánh Tr về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 trả cho vợ chồng ông Võ Khánh Tr và bà Nguyễn Lê Kim Ng số tiền 440.055.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu, không trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Về án phí:

Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông Trần Văn H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0019108 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP. Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Thanh H1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/7/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện TP;
- THADS huyện TP;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Ánh Tuyết